

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1211/2025/DS-PT.

Ngày: 18/9/2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

2. Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 747/DSPT ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4828/2025/QĐPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1451/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số I Lô C, Chung cư K, số 334 đường T, Phường A, Quận A (nay là phường D), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2025): Ông Lê Văn T, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Số C đường P, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu M, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B (Số C) đường V, Phường A, quận T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Ông Trần Hữu M1, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Số B đường V, Phường A, quận T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2025).

2/ Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 2002. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A đường H, Phường A, quận T (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2025)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Thế P. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Thiên Đ, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số I Lô C, Chung cư K, Số C T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số C đường P, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2025)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Hữu M.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2024, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D và người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn T trình bày:*

Bị đơn ông Trần Hữu M vay mượn tiền của vợ chồng bà D và ông Đ nhiều lần để giải quyết công việc và ông M trả tiền lãi, gốc đúng hạn như thỏa thuận trừ 02 giấy viết mượn tiền do ông M viết gồm:

- Tờ (1) ngày 20 tháng 11 năm 2020 mượn 1,5 tỷ đồng, hẹn trả ngày 20 tháng 02 năm 2021 và khất nợ đến ngày 20 tháng 12 năm 2023;

- Tờ (2) ngày 25 tháng 01 năm 2023 mượn 1,5 tỷ đồng hẹn trả ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Các lần bà D, ông Đ cho ông M vay mượn tiền đều có thỏa thuận mức lãi khác nhau và ông M đều thanh toán hết, riêng 02 giấy vay tiền nêu trên thì ông M vẫn chưa trả, kể cả tiền lãi và gốc. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số nợ gốc là 03 tỷ đồng và tiền lãi tính tạm tính từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 08 tháng 4 năm 2025 với lãi suất 20%/năm là 1.050.000.000đ, tổng cộng: 4.050.000.000đ.

** Bị đơn ông Trần Hữu M có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền ông Trần Hữu M1 vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*

Câu nguyên đơn.

Tại kết quả xác minh ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công an P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp thông tin: Ông Trần Hữu M, sinh năm

2

1961, có hộ khẩu thường trú tại số B (Số C) đường V, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên.

Tại Công văn số 171/UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin: Qua tra cứu trên hệ thống hộ tịch và sổ bộ lưu trữ tại địa phương, không có thông tin ông Trần Hữu M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T từ ngày 01 tháng 7 năm 1986 đến nay.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn T trình bày: Ông M vay tiền của bà D, không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận của hợp đồng nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D. Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tạm tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2025 với số tiền gốc và lãi ông M còn nợ bà D như sau:

Với giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020: Tiền gốc 1.500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 924.657.534 đồng; nợ lãi quá hạn 136.798.648 đồng; lãi nợ gốc quá hạn 665.753.424 đồng; tổng cộng 3.227.227.606 đồng.

Với giấy vay tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023, thời hạn vay từ ngày 26 tháng 01 năm 2023 đến ngày 27 tháng 7 năm 2023: Tiền gốc 1.500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 150.410.958 đồng; nợ lãi quá hạn 28.227.809 đồng; lãi nợ gốc quá hạn 884.520.547 đồng; tổng cộng 2.523.159.314 đồng.

Tổng cộng 02 khoản nợ trên là 5.750.386.920 đồng.

Bà D yêu cầu bị đơn ông M phải trả nợ 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi còn tiếp tục phát sinh cho đến khi trả dứt nợ.

- Bị đơn có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày:

Ông M đã vay mượn tiền của vợ chồng bà D và ông Đ nhiều khoản tiền từ năm 2015, đến năm 2020 ông M viết giấy xác nhận còn nợ khoảng 1.500.000.000 đồng. Đến năm 2023, ông M viết giấy vay thêm 1.500.000.000 đồng. Từ năm 2020 đến tháng 7 năm 2023, hàng tháng ông M đều trả tiền khoảng 100.000.000 đồng cho vợ chồng bà D ông Đ với hình thức chuyển khoản ngân hàng hoặc giao tiền mặt. Do thời gian đã lâu, ông M không thể cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho việc trả tiền nợ này cho bà D, đề nghị

Tòa án yêu cầu ông Trần Hữu M phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Võ Thiên Đ số tiền nợ như sau:

Mặt khác, đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc của 02 giấy vay tiền viết ngày 20 tháng 11 năm 2020 và ngày 25 tháng 01 năm 2023 là 3.000.000.000đ và tiền lãi 480.000.000đ, tổng cộng: 3.480.000.000đ. Mặt khác, 02 giấy vay tiền nêu trên các bên không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 5.750.386.920đ là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3

* Bản án dân sự sơ thẩm số 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

2. Buộc ông Trần Hữu M phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Võ Thiên Đ số tiền nợ như sau:

- Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020, thời hạn vay tiền từ ngày 21 tháng 11 năm 2020 đến ngày 20 tháng 12 năm 2023: Số tiền gốc 1.500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 462.328.767 đồng; nợ lãi quá hạn 68.399.324 đồng; lãi nợ gốc quá hạn 332.876.712 đồng. Tổng cộng 2.363.604.803 đồng.

- Với giấy vay tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023, thời hạn vay từ ngày 26 tháng 01 năm 2023 đến ngày 27 tháng 7 năm 2023: Số tiền gốc 1.500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 75.205.479 đồng; nợ lãi quá hạn 14.113.904 đồng; lãi nợ gốc quá hạn 422.260.273 đồng. Tổng cộng 2.011.579.656 đồng.

Tổng cộng 02 khoản nợ trên là 4.375.184.459 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2025, ông Trần Hữu M còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 53.255.804 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng phí 50.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002856 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, bà Nguyễn Thị Kim D còn phải nộp thêm 2.455.804 đồng.

Bị đơn ông Trần Hữu M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS đối với Bản án sơ thẩm số 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án

nnan dân quận Tân Bình, 1 nam họ HO CHÍ MINH.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày : Nguyên đơn đồng ý cần trừ số tiền 750.000.000 đồng của 07 tờ ủy nhiệm chi mà bị đơn xuất trình tại cấp sơ thẩm để trừ vào 03 khoản nợ, cụ thể : 03 tờ Ủy nhiệm chi vào tháng 9/2021, tháng 02/2022, tháng 10/2024 (tổng cộng là 360.000.000 đồng) là trả cho G mượn tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020 và 04 tờ Ủy nhiệm chi vào tháng 3/2023, tháng 5/2023,

4

tháng 6/2023, tháng 7/2023 (tổng cộng 390.000.000 đồng) là trả cho G mượn tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023. Nguyên đơn rút lại 1 phần về yêu cầu tiền lãi, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu lãi suất 20%/năm, nay chỉ yêu cầu lãi suất 10%/năm, thời gian trả nợ và cách tính lãi vẫn giữ nguyên.

- Bị đơn : Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

.....

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự xác định được:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D và chồng là ông Võ Thiên Đ có cho bị đơn ông Trần Hữu M vay tiền nhiều lần, lần sau cùng ông M còn nợ vợ chồng bà D theo 02 giấy mượn tiền gồm : Giấy mượn tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020 mượn 1.500.000.000 đồng (hẹn trả ngày 20/02/2021 và khất nợ đến ngày 20/12/2023) và Giấy mượn tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023 mượn

5

1.500.000.000 đồng (hẹn trả ngày 25/7/2023). Bị đơn ông Trần Hữu M thừa nhận ông 0 viết giấy mượn tiền và cam kết thời gian trả nợ. Đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn, theo đó, khoản nợ mượn ngày 20 tháng 11 năm 2020 hạn chót trả nợ là ngày 20 tháng 12 năm 2023, khoản ngày 25 tháng 01 năm 2023 hạn chót trả nợ vào ngày 25 tháng 7 năm 2023. Ngoài 02 khoản nợ này, giữa nguyên đơn và bị đơn không phát sinh thêm khoản nợ nào khác. Như vậy, ông M đã vay tiền của bà D 02 lần, tổng số tiền ông M vay và cam kết thời hạn trả là 3.000.000.000 đồng.

[3.2] Xét, Giấy mượn tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020 mượn 1.500.000.000 đồng (hẹn trả ngày 20/02/2021 và khất nợ đến ngày 20/12/2023) và Giấy mượn tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023 mượn 1.500.000.000 đồng (hẹn trả ngày 25/7/2023): Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn khoản nợ 3.000.000.000 đồng theo 2 giấy mượn tiền này và đến nay chưa trả hết cho nguyên đơn. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả khoản nợ này cho nguyên đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[3.3] Xét, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là đồng ý cản trừ số tiền là 750.000.000 đồng từ 07 tờ Ủy nhiệm chi (có bản chính đối chiếu) vào 03 khoản nợ, cụ thể : 03 tờ Ủy nhiệm chi vào tháng 9/2021, tháng 02/2022, tháng 10/2024 (tổng cộng là 360.000.000 đồng) là trả cho G mượn tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020 và 04 tờ Ủy nhiệm chi vào tháng 3/2023, tháng 5/2023, tháng 6/2023, tháng 7/2023 (tổng cộng 390.000.000 đồng) là trả cho G mượn tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn cũng đồng ý, như vậy số tổng số nợ bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.250.000.000 đồng.

[3.4] Về các yêu cầu bị đơn đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm:

[3.4] Xét yêu cầu bị đơn trả lãi:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút lại 1 phần về yêu cầu tiền lãi, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu lãi suất 20%/năm, nay chỉ yêu cầu lãi suất 10%/năm, thời gian trả nợ và cách tính lãi vẫn giữ nguyên. Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu tiền lãi (20%/năm) là 2.790.368.920 đồng, nay yêu cầu 10%/năm là 1.395.184.460 đồng.

Nhận thấy, tại 02 giấy mượn tiền có thỏa thuận thời hạn vay nhưng không thỏa thuận lãi suất, căn cứ khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm lãi suất, cấp sơ thẩm xác định lãi suất bằng 10%/năm là đúng theo quy định của pháp luật.

Thời gian tính lãi căn cứ theo khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm lãi suất, lãi sẽ tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết hạn vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Như vậy:

6

Giấy vay tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020: ngày hết hạn vay là 20 tháng 12 năm 2023 nên lãi tính từ ngày 21 tháng 12 năm 2023 đến ngày 12 tháng 6 năm 2025 (ngày xét xử sơ thẩm) x 10%/năm.

Giấy vay tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023: ngày hết hạn vay là 25 tháng 7 năm 2023 nên lãi tính từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 12 tháng 6 năm 2025 (ngày xét xử sơ thẩm) x 10%/năm.

[3.5] Xét, yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu công nhận và thu thập các tài liệu khác là bản pho to do bị đơn cung cấp: Nhận thấy, đây là bản photo, không có bản chính để đối chiếu, đây cũng là tài liệu chứng cứ bị đơn xuất trình, nguyên đơn không thừa nhận, nên bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh đối với các tài liệu chứng cứ mà bị đơn cung cấp theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: như đã phân tích ở trên, nguyên đơn tự nguyện rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm tính lãi (trong hạn, quá hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn) và thời hạn trả lãi chưa phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và điểm b, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm lãi suất. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, như sau:

Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tổng cộng 2.623.590.000 đồng, bao gồm:

1/ Giấy mượn tiền ngày 20 tháng 11 năm 2020 là 1.500.000.000 đồng – 360.000.000 đồng = 1.140.000.000 đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 21 tháng 12 năm 2023 đến ngày 12 tháng 6 năm 2025 (ngày xét xử sơ thẩm) x 10%/năm là 168.150.000 đồng.

2/ Giấy mượn tiền ngày 25 tháng 01 năm 2023 là 1.500.000.000 đồng – 390.000.000 đồng = 1.110.000.000 đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 12 tháng 6 năm 2025 (ngày xét xử sơ thẩm) x 10%/năm là 205.440.000 đồng.

Tổng nợ gốc là 2.250.000.000 đồng. Tổng nợ lãi là 373.590.000 đồng.

[5] Về Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân.

[6] Xét, yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Từ những phân tích, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp

7

nhận một phần kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí:

[8.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền lãi không được Tòa án chấp nhận: 1.395.184.460 đồng - 373.590.000 đồng = 1.021.594.460 đồng là 42.647.834 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng phí nguyên đơn đã nộp 50.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002856 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. H

lại cho nguyên đơn 8.152.166 đồng.

Bị đơn ông Trần Hữu M, sinh năm 1961 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[8.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Trần Hữu M, sinh năm 1961 là người cao tuổi nên được miễn án phí. H lại cho ông M2 số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000430, ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm b khoản 1 Điều 38; Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280, 463; 466; 357; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.
- Luật Thi hành án năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

8

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Hữu M.
2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 292/2025/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

Ông Trần Hữu M có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Võ Thiên Đ số nợ là 2.623.590.000 (hai tỉ sáu trăm hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan

thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí là 42.647.834 (bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng phí nguyên đơn đã nộp 50.800.000 (năm mươi triệu tám trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002856 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. H lại cho nguyên đơn 8.152.166 (tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn một trăm sáu mươi sáu) đồng.

Bị đơn ông Trần Hữu M được miễn án phí.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Hữu M được miễn án phí. H lại cho ông M số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000430, ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

9

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 4 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 4 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Nhung

